

Đơn vị: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Chương: 425

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SVHTTDL, ngày /4/2022 của Sở Văn hóa,
Thể thao và Du lịch)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán giao	Thực hiện quý I	So sánh (%)
A	Tổng số thu	3.828,3	626,5	16,4
1	Số thu phí, lệ phí	40,0	11,5	57,3
1.1	Lệ phí	20,0	10,3	51,3
	Văn phòng Sở (Lệ phí cấp phép thẻ HDV, cơ sở lưu trú)	20,0	10,3	51,3
1.2	Phí	20,0	1,2	6,0
	Thư viện tỉnh (Phí cấp thẻ đọc thư viện)	20,0	1,20	6,0
1.3	Chi từ nguồn thu phí được để lại	36,0	0,1	0,3
	Thư viện tỉnh	18,0	0,1	0,6
	Văn phòng Sở	18,0	-	-
1.4	Số phí, lệ phí nộp NSNN	4,00	4,24	106,0
	Văn phòng Sở	2,0	4,1	206,0
	Thư viện tỉnh	2,0	0,12	6,0
2	Số thu dịch vụ	3.788,3	615,0	16,2
	Trung Tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao	2400	358,4	14,9
	TT Văn hóa Nghệ thuật tỉnh	600,0	16,0	2,7

	TT phát hành Phim và Chiếu bóng	300	170	56,7
	Thư viện tỉnh	288,3	40,6	14,1
	Bảo tàng tỉnh	200,0	30,000	15,0
4.2	Chi từ nguồn thu dịch vụ	3.548,3	366,8	10,3
	Trung Tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao	2160	224,8	10,4
	TT Văn hóa Nghệ thuật tỉnh	600,0	10,5	1,9
	TT phát hành Phim và Chiếu bóng	300	118	39,3
	Thư viện tỉnh	288,3	12,5	14,1
	Bảo tàng tỉnh	200,0	1,0	0,5
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	104.342,0	17.118,3	16,4
I	Quản lý Nhà nước	27.796,5	8.601,5	
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.132,0	1.829,2	22,5
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.900,0	5,7	0,1
3	Chi sự nghiệp văn hóa	11.833,0	6.731,9	56,9
4	Chi sự nghiệp thể thao	1.190,0	2,3	0,2
5	Chi sự nghiệp du lịch	1.741,5	2,3	0,1
6	Chi sự nghiệp gia đình	1.000,0	30,0	3,0
II	Đơn vị dự nghiệp	43.807,7	6.098,4	13,9
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	21.446,7	4.850,0	110,0
	TT Văn hóa Nghệ thuật tỉnh	8.292,7	1.889,9	22,8
	TT phát hành Phim và Chiếu bóng	6.809	1.522,2	22,4

	Thư viện tỉnh	2.339,0	551,500	23,6
	Bảo tàng tỉnh	2.745,00	677,185	24,7
	Ban quản lý CV địa chất	1.261	209,200	16,6
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	22.361,0	1.248,3	5,6
	TT Văn hóa Nghệ thuật tỉnh	4.374,9	728,3	16,6
	TT phát hành Phim và Chiếu bóng	220	0	0,0
	Thư viện tỉnh	1.702,6	90,570	5,3
	Bảo tàng tỉnh	1.974,542	363,042	18,4
	Ban quản lý CV địa chất	14.089	66,400	0,5
III	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	14.100,8	2.369,0	16,8
	Trung Tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao	14.100,8	2.369,0	39,8
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1760	422,1	24,0
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12340,8	1946,9	15,8
IV	Chi Chương trình mục tiêu Quốc gia	18.637,0	49,5	0,3
1	Chi Chương trình mục tiêu Quốc gia (Dự án 6)	11.140,0	49,5	0,4
1,1	Văn phòng Sở	6.180,0		-
	Vốn sự nghiệp	6.148,0	0	-
	Vốn sự nghiệp	32,0	0	-
1,2	Trung Tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh	4.320,0	49,5	1,1
1,3	Thư viện tỉnh	240,0	0	-
1,4	Bảo tàng tỉnh	400,0	0	-
2	Chi Chương trình mục tiêu Quốc gia (Nong thôn mới)	2.480,0	0	-

	Văn phòng Sở	2.240,0	0	-
	Thư viên tỉnh	240,0	0	-
3	Chi Chương trình mục tiêu Quốc gia (Vốn đầu tư)	5.017,0	0	-
	Văn phòng Sở	5.017,0	0	-

